

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1044/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1032/2026/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H – sinh năm 1993

Số Căn cước: 004193xxxxxx

Nơi ĐKKHKT: Thôn T (nay là thôn B T), xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Xóm Đ, xã N, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá P – sinh năm 1985

Số Căn cước: 038085xxxxxx

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn T (nay là thôn B T), xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị H và anh P (chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 04/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc. Từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Bá P.

Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 05/8/2011 (giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Bá Đức H1 – sinh ngày 28/7/2020 (giới tính: Nam). Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, cháu N ở cùng với chị H, cháu H1 ở cùng với anh P. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao cháu H1 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Bá P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh P.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/4/2026, chính quyền địa phương xã K, tỉnh Thanh Hóa nơi chị H, anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Dương Thị H, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1985 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã K, tỉnh Thanh Hoá). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh P, vợ chồng chị H, anh P đi làm ăn xa thì thoảng mới về địa phương nên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung, vợ chồng chị H, anh P có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 05/8/2011 và Nguyễn Bá Đức H1 – sinh ngày 28/7/2020. Cháu N hiện nay đang ở cùng mẹ tại tỉnh Cao Bằng, cháu H1 ở cùng với ông bà nội là ông Nguyễn Bá L, bà Bùi Thị H2 tại địa phương xã K. Về điều kiện kinh tế, chị H sinh sống và làm việc tại Cao Bằng do đó thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương xã K không nắm được. Anh Nguyễn Bá P đi làm ăn xa nên thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Về đạo đức, lối sống quá trình sinh sống tại địa phương xã K chị H và anh P có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa chị Dương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu N, H1 và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Các vấn đề còn lại chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H, xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá P.

Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 05/8/2011 và cháu Nguyễn Bá Đức H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Bá P có hộ khẩu thường trú tại xã K, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Bá P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh P cố tình trốn tránh. Chị Dương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh P là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã K, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 04/11/2010. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2022 khi chị H mang theo cháu N về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Cao Bằng để ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Chị H xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh P. Quá trình giải quyết vụ án anh P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh P không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá P là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 05/8/2011 và Nguyễn Bá Đức H1 – sinh ngày 28/7/2020. Các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu N ở cùng với chị H, cháu H1 ở cùng với anh P và ông bà nội. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H.

Xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị H có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Cháu N ở với chị H, được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần, bên cạnh đó cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu H1 ở với anh P, nhưng anh P thường xuyên đi làm ăn xa, cháu Hiếu chủ Y sống cùng với ông bà nội. Quá trình Toà án giải quyết vụ án, anh P không đến Toà án để làm việc và trình bày quan điểm, nguyện vọng về nuôi con. Nguyện vọng của chị H là hoàn toàn chính đáng. Cháu H1 đang còn nhỏ, rất cần sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc từ mẹ. Để không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con. Do đó, giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Bá Đức H1 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Bá P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá P.
2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N – sinh ngày 05/8/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Bá Đức H1 – sinh ngày 28/7/2020 (giới tính: Nam) cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Nguyễn Bá P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

2.3. Anh Nguyễn Bá P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0002299 ngày 27/3/2026. Chị Dương Thị H đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh Nguyễn Bá P không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Dương Thị H và anh Nguyễn Bá P. Chị H và anh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã K;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang

